TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 23/02/2022
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Thành Đô;
2/ Bà Lê Thị Thận;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong các ngày 18 đến ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 217/2021/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021, về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị V, sinh năm: 1986
Nơi cư trú: Khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Anh Trương Minh Ph, sinh năm: 1985
Nơi cư trú: Khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1/ Chị Lê Thị Th, sinh năm: 1973
2/ Anh Đậu Quyết B, sinh năm: 1971
Cùng cư trú: Khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
3/ Chị Trương Thị C, sinh năm: 1972
4/ Anh Phan Văn M, sinh năm: 1968
Cùng cư trú: Khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Minh P tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 41, ký ngày 10/6/2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Anh Trương Minh P thường xuyên bỏ bê gia đình, công việc làm ăn, chơi bời, cờ bạc thâu đêm. Ngoài ra, anh Trương Minh P còn có quan hệ bất chính với người khác. Vợ con khuyên nhủ nhưng anh Trương Minh P không nhận ra lỗi lầm của mình và còn chửi bới, đánh đập vợ con khiến các con hoảng sợ, gây tâm lý xấu cho trẻ nhỏ. Đến năm 2019, năm 2020 thì chị không thể chịu đựng được nên đã ra riêng ở và ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh Trương Minh P không thay đổi mà còn dẫn người phụ nữ khác về nhà sống chung như vợ chồng. Nay, thấy tình cảm không còn, việc đoàn tụ gia đình không hạnh phúc nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Trương Minh P.

Về con chung: Chị và anh Trương Minh P có bốn con chung tên là Trương Minh N sinh ngày 5/3/2006, Trương Ngọc H sinh ngày 26/5/2013, Trương Minh Đ sinh ngày 25/8/2018 và Trương Minh Th sinh ngày 25/8/2018.

Sau khi giải quyết ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục bốn cháu.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Quá trình chung sống thì chị và anh Trương Minh P có các tài sản chung gồm:

Thửa đất có diện tích đất 26396,2m^2 thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất trồng cây cao su 13 năm tuổi. Diện tích đất đã được UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy CNQSDĐ số CH01624, ký ngày 30/01/2018 đứng tên Trương Minh P và Huỳnh Thị V. Vào năm 2015 chị và anh Trương Minh P

Thửa đất có diện tích đất 5967,9m^2 thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất trồng cây cao su 13 năm tuổi. Diện tích đất đã được UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy CNQSDĐ số CH 01625, ký ngày 30/01/2018 đứng tên Trương Minh P và Huỳnh Thị V.

Thửa đất có diện tích đất 5.000m^2 (Diện tích đất đo đạc thực tế là 5080,9m^2) tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất trồng cây cao su 13 năm tuổi. Nguồn gốc của tài sản là do chị và anh Trương Minh P nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phan Văn M bà Trương Thị C vào năm 2010. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng là đất trắng. Sau khi nhận đất chị và anh Trương Minh P trồng cây cao su. Diện tích đất chưa được UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy CNQSDĐ.

01 xe máy cày mua năm 2018.

Sau khi giải quyết ly hôn, chị yêu cầu chia đôi tài sản và chị có nguyện vọng nhận ½ diện tích đất 26396,2m^2 thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 57 và Thửa đất có diện tích đất 5.000m^2 (Diện tích đất đo đạc thực tế là 5080,9m^2). Các tài sản còn lại giao cho anh Trương Minh P quản lý, sử dụng. Ai nhận phần tài sản có giá trị nhiều hơn thì trả lại tiền chênh lệch cho bên nhận tài sản có giá trị ít hơn.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Trương Minh P vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Trương Minh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời khai về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn của chị Huỳnh Thị V. anh thừa nhận trong thời gian chung sống anh và chị Huỳnh Thị V xảy ra mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung trong việc lựa chọn công việc làm ăn cũng như cách chi tiêu quản lý tiền bạc. Đến khoảng tháng 3 năm 2021 chị Huỳnh Thị V dẫn các con về nhà ngoại ở và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vừa qua anh và chị Huỳnh Thị V không có hàn gắn tình cảm. Nay chị Huỳnh Thị V yêu cầu giải quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh hoàn trí với lời khai của chị Huỳnh Thị V về con chung. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Trương Minh N và cháu Trương Ngọc H.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị Huỳnh Thị V trong thời gian chung sống có các tài sản chung gồm: Thửa đất có diện tích đất 26396,2m^2 thuộc thửa đất

số 10, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất trồng cây cao su 13 năm tuổi. Diện tích đất đã được UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy CNQSDĐ số CH01624, ký ngày 30/01/2018 đứng tên Trương Minh P và Huỳnh Thị V; Thửa đất có diện tích đất 5967,9m^2 thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất trồng cây cao su 13 năm tuổi. Diện tích đất đã được UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy CNQSDĐ số CH 01625, ký ngày 30/01/2018 đứng tên Trương Minh P và Huỳnh Thị V; Diện tích đất khoảng 07 sào tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất trồng cây cao su. Đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Các tài sản nói trên do vợ chồng anh nhận chuyển nhượng. Khi nhận chuyển nhượng là đất rừng và có ít cây điều. Sau đó vợ chồng chuyển đổi sang cây cao su và 01 xe máy cày. Các tài sản nói trên anh xác nhận là tài sản chung của vợ chồng và đồng ý chia đôi tài sản.

Ngoài các tài sản nói trên anh và chị Huỳnh Thị V còn tài sản chung khác là diện tích khoảng 2,1ha tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất trồng cây điều khoảng 13 năm tuổi. Nguồn gốc đất là do tự khai phá từ năm 2005. Diện tích đất đã được cấp giấy CNQSDĐ đứng tên anh và chị Huỳnh Thị V. Đối với tài sản này anh yêu cầu chia đôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị C, anh Phan Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị C và anh Phan Văn M thống nhất trình bày: Anh chị là vợ chồng. Vợ chồng anh chị và vợ chồng anh Trương Minh P, chị Huỳnh Thị V là quan hệ họ hàng, không có mâu thuẫn gì. Cách đây khoảng 10 năm (không nhớ rõ thời gian) vợ chồng anh chị có chuyển nhượng cho vợ chồng anh Trương Minh P chị Huỳnh Thị V diện tích đất khoảng 5 đến 6 sào. Diện tích đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Khi bàn giao đất cho anh Trương Minh P chị Huỳnh Thị V thì trên đất chưa trồng cây lâu năm nào. Tứ cận của diện tích đất chuyển nhượng: Hai mặt giáp ông Lê Xuân H, hai mặt giáp khe (bên kia khe cạn giáp đất Lương Thị Kh). Các bên không có làm giấy tờ. tại thời điểm chuyển nhượng diện tích đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Vợ chồng anh chị đã bàn giao đất cho vợ chồng anh Trương Minh P chị Huỳnh Thị V sử dụng lâu nay không có tranh chấp gì. Hiện nay, trên diện tích đất này vợ chồng anh Trương Minh P chị Huỳnh Thị V đã trồng cây cao su. Nay vợ chồng anh Trương Minh P, chị Huỳnh Thị V ly hôn và chia tài sản chung trong đó có thửa đất này vợ chồng anh chị không có ý kiến gì. Việc chuyển nhượng đã thực hiện xong vợ chồng anh chị vẫn đồng ý việc chuyển

nhượng này, không tranh chấp hay yêu cầu gì khác. Sau này Tòa án giải quyết diện tích đất chia cho ai thì vợ chồng anh chị thực hiện theo quyết định của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Th, anh Đậu Quyết B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ chị Lê Thị Th, anh Đậu Quyết B thống nhất trình bày: Anh chị là vợ chồng. Vợ chồng anh chị và vợ chồng anh Trương Minh P, chị Huỳnh Thị V là quan hệ họ hàng, không có mâu thuẫn gì. Ngày 1/5/2013 vợ chồng anh chị có nhận chuyển nhượng của vợ chồng anh Trương Minh P, chị Huỳnh Thị V 01 thửa đất khoảng 500m^2 (theo kết quả đo đạc là 5601,2m^2) với giá 55.000.000đ tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ cận: mặt trước giáp đường, mặt sau giáp đất vợ chồng anh Trương Minh P, chị Huỳnh Thị V, một mặt giáp đất ông H, một mặt giáp đất bà Th. Ranh giới giữa thửa đất nhận chuyển nhượng và đất của anh Trương Minh P, chị Huỳnh Thị V được ngăn cách bằng khe cạn. Khi nhận chuyển nhượng có làm giấy tờ tay. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng trn đất có trồng cây điều già thay bằng cây điều mới và quản lý, sử dụng từ năm 2013 cho đến nay không có xảy ra tranh chấp gì. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng diện tích đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Hiện nay, diện tích đất này đang nằm trong diện tích đất đã được cấp giấy CNQSDĐ. Đối với việc chuyển nhượng QSDĐ giữa vợ chồng anh chị và vợ chồng anh Trương Minh P, chị Huỳnh Thị V, anh chị tự thương lượng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Huỳnh Thị V.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Trương Minh N sinh ngày 5/3/2006, Trương Ngọc H sinh ngày 26/5/2013, Trương Minh Đ sinh ngày 25/8/2018 và Trương Minh Th sinh

ngày 25/8/2018 cho chị Huỳnh Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung:

Giao cho chị Huỳnh Thị V quản lý, sử dụng các tài sản gồm: Diện tích đất 11024,2m^2 cùng tài sản có trên đất (cây cao su) tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước có giá trị là 440.968.000đ và diện tích đất 5080,9m^2 cùng tài sản có trên đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước có giá trị (cây cao su) là 152.427.000đ. Tổng giá trị tài sản mà chị Huỳnh Thị V nhận được có giá trị là 593.395.000đ;

Giao cho anh Trương Minh P quản lý, sử dụng các tài sản gồm: Diện tích đất 9770,8m^2 và tài sản có trên đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước có giá trị là 390.832.000đ, diện tích đất 5967,9m^2 cùng tài sản có trên đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước có giá trị là 238.716.000đ và 01 xe máy cày có giá trị là 35.000.000đ. Tổng giá trị tài sản mà anh Trương Minh P được nhận có giá trị là 664.548.000đ.

Phần giá trị mà anh Trương Minh P được nhận nhiều hơn nên anh Trương Minh P có trách nhiệm trả cho chị Huỳnh Thị V số tiền chênh lệch về tài sản là 35.576.500đ.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trương Minh P (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Anh Đậu Quyết B, chị Lê Thị Th, anh Phan Văn M và chị Trương Thị C (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trương Minh P, anh Đậu Quyết B, chị Lê Thị Th, anh Phan Văn M và chị Trương Thị C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị V và anh Trương Minh P đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân TT Đ,

huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 41, ký ngày 10/6/2005. Lời khai của chị Huỳnh Thị V và anh Trương Minh P phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 12). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch"*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị V và anh Trương Minh P là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn chị Huỳnh Thị V: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Minh P và chị Huỳnh Thị V đều khai nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình, anh Trương Minh P và chị Huỳnh Thị V khai nhận khác nhau. Tuy nhiên, cả hai đều thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay và hai bên đều không thể hiện mong muốn, thiện chí hàn gắn. Hiện nay, anh Trương Minh P và chị Huỳnh Thị V đều nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục và có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc hòa giải đoàn tụ không còn ý nghĩa. Do đó, căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Trương Minh P và chị Huỳnh Thị V.

[4] Về con chung: Chị Huỳnh Thị V và anh Trương Minh P khai nhận vợ chồng có 04 con chung tên là Trương Minh N sinh ngày 5/3/2006, Trương Ngọc H sinh ngày 26/5/2013, Trương Minh Đ sinh ngày 25/8/2018 và Trương Minh Th sinh ngày 25/8/2018. Lời khai của chị Huỳnh Thị V và anh Trương Minh P phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Chị Huỳnh Thị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng bốn cháu. Anh Trương Minh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 2 cháu lớn.

Xét, hai cháu Trương Minh Đ và Trương Minh Th mới 42 tháng cần sự chăm sóc thường xuyên của cha hoặc mẹ. Cháu Trương Minh N đang ở lứa tuổi dậy thì cần sự chăm sóc chu đáo, yêu thương, lắng nghe, chia sẻ, tôn trọng của cha hoặc mẹ. Anh Trương Minh P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Minh N và cháu Trương Ngọc H. Tuy nhiên, trong thời gian sống ly thân anh Trương Minh P không có qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không cấp dưỡng nuôi con. Như vậy, anh Trương Minh P không thực hiện nghĩa vụ làm cha. Mặt khác, cháu Trương Minh N và cháu Trương Ngọc H đều có nguyện vọng được mẹ (Huỳnh Thị V) trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng (bút lục 32,33). Theo tài liệu chị Huỳnh Thị V cung cấp cho Tòa án cho thấy chị Huỳnh Thị V hiện đang ở chung với ông bà ngoại, có nơi ở, công việc và nguồn thu nhập ổn định. Trong thời gian sống ly thân, các cháu đều được chị Huỳnh Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển đầy đủ. Để đảm bảo môi trường cho việc phát triển tâm sinh lý ổn định cần tiếp tục giao 04 con chung cho chị Huỳnh Thị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Minh P, chị Huỳnh Thị V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung:

[5.1] Chị Huỳnh Thị V khai nhận trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị tạo lập được các tài sản gồm:

- Diện tích đất 5967,9m^2 thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 57 đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01625, ký ngày 30-01-2018 đứng tên Trương Minh P và Huỳnh Thị V. Diện tích đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tứ cận của diện tích: Phía Bắc giáp đất của ông Huỳnh Văn H; Phía Nam giáp đất của ông Tống Phước Đ và đường đất; Phía Tây giáp đường đất; Phía Đông giáp đất của ông Nguyễn Văn Tr. Trên đất có trồng 350 cây cao su trồng năm 2008.

- Diện tích đất 5.000m^2 (Diện tích đất đo đạc thực tế là 5080,9m^2) thuộc tờ bản đồ số 57. Diện tích đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất có trồng 220 cây cao su khoảng 08 năm tuổi. Tứ cận của diện tích: Phía Bắc giáp đất của Điểu H và đất của Điểu Thị Á; Phía Nam giáp đất của ông Lê Xuân H; Phía Tây giáp đất của ông Điểu T và đất của ông Phạm Văn T; Phía Đông giáp đất của bà Lương Thị Kh. Diện tích đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ.

- Diện tích đất 26396,2m^2 thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 57 đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01625, ký ngày 30-01-2018 đứng tên Trương Minh P và Huỳnh Thị V. Diện tích đất tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tứ cận của diện tích: Phía Bắc giáp đất của bà Lê Thị Th; Phía Nam giáp đất của ông Huỳnh Văn H, đất của ông Huỳnh Văn Tr và đất của ông Huỳnh Văn L; Phía Tây giáp đường đất; Phía Đông giáp đất của Lê Hữu Ng. Trên đất có trồng 1200 cây cao su trồng năm 2008.

- 01 xe máy cày hiệu Iseki TS 2810 mua năm 2018.

(Theo kết quả biên bản xem xét, thẩm định tài sản bút lục số 63 đến bút lục số 74)

Chị Huỳnh Thị V xác định toàn bộ tài sản nói trên là tài sản chung của vợ chồng và chị Huỳnh Thị V yêu cầu chia đôi tài sản. Anh Trương Minh P thừa nhận các tài sản nói trên là tài sản do vợ chồng nhận sang nhượng trong thời kỳ hôn nhân và đồng ý các tài sản nói trên là tài sản chung của vợ chồng và đồng ý chia đôi tài sản (Bút lục số 31). Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"* và khoản 1 Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng…."*. Như vậy, có đủ cơ sở xác định các tài sản nói trên là tài sản chung của anh Trương Minh P và chị Huỳnh Thị V.

[5.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị V khai nhận: Vào năm 2015 vợ chồng chị đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đậu Quyết B và bà Lê Thị Th diện tích đất 5601,2m^2 nằm trong trong tổng diện tích đất 26396,2m^2 thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 57. Diện tích đất 5601,2m^2 hiện đang do vợ chồng ông Đậu Quyết B và bà Lê Thị Th canh tác, sử dụng và năm 2019 tiến hành thay đổi giống cây trồng sang cây điều. Do đó, chị Huỳnh Thị V thay đổi yêu cầu của mình, yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần diện tích đất còn lại là 20.795m^2. Đối với diện tích đất 5601,2m^2 hiện đang do vợ chồng ông Đậu Quyết B và bà Lê Thị Th quản lý, sử dụng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, lời khai của chị Huỳnh Thị V phù hợp với lời khai của bà Lê Thị Th, ông Đậu Quyết B và nội dung của giấy sang nhượng đất rẫy lập ngày 1/5/2013 do bà Lê Thị Th cung cấp (bút lục số 47,48,50). Mặt khác, theo kết quả xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ lập ngày 02/7/2021 thì phần diện tích đất 5601,2m^2 với các phần đất khác được ngăn cách bằng khe cạn và trên phần diện tích đất 5601,2m^2 được trồng cây điều. Trong khi anh Trương Minh P và chị Huỳnh Thị V đều xác nhận diện tích đất của anh chị trồng cây cao su. Như vậy, có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Huỳnh Thị V, bà Lê Thị Th và ông Đậu Quyết B là sự thật. Xét thấy, việc chị Huỳnh Thị V thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị V.

[5.3] Xét yêu cầu chia đôi tài sản và nguyện vọng nhận tài sản bằng hiện vật của nguyên đơn chị Huỳnh Thị V: Khoản 1 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây ....."* và khoản 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; Bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch".* Tại bản tự khai lập ngày 26/5/2021 anh Trương Minh P đồng ý chia đôi tài sản. Như vậy, yêu cầu của chị Huỳnh Thị V là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị V chia đôi tài sản.

Bên cạnh đó, chị Huỳnh Thị V khai nhận trong thời gian Tòa án giải quyết ly hôn chị Huỳnh Thị V và anh Trương Minh P đã tự phân chia toàn bộ diện tích đất để quản lý, thu hoạch hoa lợi nên chị Huỳnh Thị V có nguyện vọng tiếp tục được sử dụng phần diện tích đất đã tự chia và ai nhận tài sản có giá trị lớn hơn thì trả lại tiền chênh lệch. Xét, yêu cầu của chị Huỳnh Thị V là có căn cứ, phù hợp với nhu cầu thực tế, điều kiện trực tiếp sử dụng của các bên và đảm bảo việc quản lý, chăm sóc, thu hoạch hoa lợi phát sinh từ tài sản liên tục nên được chấp nhận. Mặt khác, anh Trương Minh P đã được Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng nên tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Cụ thể anh Trương Minh P và chị Huỳnh Thị V được giao những tài sản sau đây: Chia đôi diện tích đất 20.795m^2 (nằm trong diện tích đất được cấp giấy CNQSDĐ là 26396,2m^2) cùng tài sản có trên đất (Cây cao su) thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước thành 02 phần là 11024,2m^2 và 9770,8m^2; Giao diện tích đất 11024,2m^2 cùng tài sản có trên đất (650 cây cao su trồng năm 2008) (nằm trong diện tích đất được cấp giấy CNQSDĐ là 26396,2m^2) thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 57 và diện tích đất 5080,9m^2 cùng tài sản có trên đất (220 cây cao su khoảng 08 năm tuổi) thuộc tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước cho chị Huỳnh Thị V quản lý, sử dụng; Giao diện tích đất 9770,8m^2 cùng tài sản có trên đất (550 cây cao su trồng năm 2008) (nằm trong diện tích đất được cấp giấy CNQSDĐ là 26396,2m^2) thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 57 và diện tích đất 5967,9m^2 cùng tài sản có trên đất (350 cây cao su trồng năm 2008) thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 57 tọa lạc

tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước cho anh Trương Minh P quản lý, sử dụng.

Đối với xe máy cày hiệu Iseki TS 2810 mua năm 2018, chị Huỳnh Thị V có nguyện vọng giao cho anh Trương Minh P quản lý, sử dụng, sở hữu. Xét, hiện nay, anh Trương Minh P đang sử dụng chiếc xe và chiếc xe là phương tiện cho công việc làm ăn của anh Trương Minh P. Chị Huỳnh Thị V không có nhu cầu sử dụng tài sản này. Do đó, việc giao chiếc xe máy cày cho anh Trương Minh P là phù hợp với nhu cầu thực tế, điều kiện trực tiếp sử dụng của các bên nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị Huỳnh Thị V.

Theo kết quả định giá tài sản ngày 12-11-2011 (Bút lục số 100,101) thì tổng tài sản có giá trị là 1.257.943.000đ. Vì vậy, một phần hai tài sản có giá trị 628.971.500đ. Xét: Phần tài sản mà chị Huỳnh Thị V được nhận có giá trị là: Diện tích đất 11024,2m^2 cùng tài sản có trên đất (cây cao su) có giá trị là 440.968.000đ và diện tích đất 5080,9m^2 cùng tài sản có trên đất có giá trị (cây cao su) là 152.427.000đ. Tổng giá trị tài sản mà chị Huỳnh Thị V nhận được có giá trị là 593.395.000đ. Phần tài sản mà anh Trương Minh P được nhận có giá trị là: Diện tích đất 9770,8m^2 và tài sản có trên đất có giá trị là 390.832.000đ, diện tích đất 5967,9m^2 cùng tài sản có trên đất có giá trị là 238.716.000đ và 01 xe máy cày có giá trị là 35.000.000đ. Tổng giá trị tài sản mà anh Trương Minh P được nhận có giá trị là 664.548.000đ nhiều hơn phần giá trị mà anh Trương Minh P được nhận nên anh Trương Minh P có trách nhiệm trả cho chị Huỳnh Thị V số tiền chênh lệch về tài sản là 35.576.500đ.

[6] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn anh Trương Minh P: Tại bản tự khai lập ngày 26 tháng 5 năm 2021 (bút lục số 30) anh Trương Minh P khai nhận ngoài các tài sản như chị Huỳnh Thị V liệt kê yêu cầu giải quyết thì anh và chị Huỳnh Thị V còn tài sản chung khác là diện tích đất khoảng 2,1 ha (trên đất trồng cây điều) và anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản này. Ngày 07 tháng 7 năm 2021 Tòa án giao cho anh Trương Minh P 01 Thông báo về việc nộp đơn phản tố số 16/TB-TA ngày 05 tháng 7 năm 2021. Tuy nhiên, anh Trương Minh P không thực hiện theo nội dung Thông báo về việc nộp đơn nộp đơn phản tố số 16/TB-TA ngày 05 tháng 7 năm 2021 coi như tự từ bỏ yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu phản tố của anh Trương Minh P.

[7] Về nợ chung: Anh Trương Minh P, chị Huỳnh Thị V đều khai nhận anh chị không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Đậu Quyết B, bà Lê Thị Th có thỏa thuận việc nhận chuyển nhượng QSSĐ và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 5601,2m^2 nằm trong trong tổng diện tích đất 26396,2m^2 thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 57. Việc chuyển nhượng QSDĐ và tài sản gắn liền với đất các bên chưa làm thủ tục sang tên giấy CNQSDĐ theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Đậu Quyết B, bà Lê Thị Th không yêu cầu giải quyết về việc chuyển nhượng QSDĐ này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc là 28.642.000đ. Tại khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Trường hợp yêu cầu Tòa án chia tài sản chung thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia"* và tại khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Trường hợp yêu cầu Tòa án chia tài sản chung thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia"*. Như vậy, buộc anh Trương Minh P và chị Huỳnh Thị V, mỗi người phải chịu ½ phần chi phí thẩm định, định giá tài sản là 14.321.000đ. Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc chị Huỳnh Thị V đã nộp tạm ứng trước nên anh Trương Minh P có trách nhiệm trả cho chị Huỳnh Thị V số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 14.321.000đ.

[10] Về án phí:

Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn chị Huỳnh Thị V phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: "*Trường hợp các đương sự không tự xác định được phần tài sản của mình trong khối tài sản chung và có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung đó thì mỗi đương sự phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng"*. Do đó, chị Huỳnh Thị V và anh Trương Minh P, mỗi người phải chịu tiền án phí chia tài sản chung là 29.158.860đ.

[11] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Trương Minh P và chị Huỳnh Thị V.

2. Về nuôi con chung: Giao Trương Minh N sinh ngày 5/3/2006, Trương Ngọc H sinh ngày 26/5/2013, Trương Minh Đ sinh ngày 25/8/2018 và Trương Minh Th sinh ngày 25/8/2018 cho chị Huỳnh Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trương Minh P có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Minh P, chị Huỳnh Thị V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung:

4.1. Giao cho chị Huỳnh Thị V quản lý, sử dụng các tài sản sau:

- Diện tích đất là 11.024,2m^2 (gồm các điểm 5,B,A,10,11,12,13,C,D,4) theo đo đạc chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính lập ngày 02-7-2021 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 cùng tài sản có trên đất (650 cây cao su trồng năm 2008) thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước với tứ cận: Phía Bắc giáp đất bà Lê Thị Th; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Tr; Phía Tây giáp thửa đất số 03; Phía Đông giáp thửa đất số 01. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01624, ký ngày 30-01-2018 với diện tích đất 26.396,2m^2 đứng tên Trương Minh P và Huỳnh Thị V. Tài sản có giá trị 440.968.000đ

- Diện tích đất là 5080,9m^2 theo đo đạc chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính lập ngày 02-7-2021 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 cùng tài sản có trên đất (220 cây cao su khoảng 08 năm tuổi) thuộc tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước với có tứ cận: Phía Bắc giáp đất của Điểu H và đất của Điểu Thị Á; Phía Nam giáp đất của ông Lê Xuân H; Phía Tây giáp đất của ông Điểu T và đất của ông Phạm Văn T; Phía Đông giáp đất của bà Lương Thị Kh. Tài sản có giá trị là 152.427.000đ.

4.2. Giao cho anh Trương Minh P quản lý, sử dụng các tài sản sau:

- Diện tích đất là 9770,8m^2 (gồm các điểm 6,7,8,9,10,A,B,5) theo đo đạc chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính lập ngày 02-7-2021 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 cùng tài sản có trên đất (550 cây cao su trồng năm 2008) thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước với tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Lê Hữu Ng; Phía Nam giáp đất ông Huỳnh Văn L; Phía Tây giáp thửa đất số 02; Phía Đông giáp đất ông Lê Hữu Ng. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01624, ký ngày 30-01-2018 với diện tích đất 26.396,2m^2 đứng tên Trương Minh P và Huỳnh Thị V. Tài sản có giá trị là 390.832.000đ

- Diện tích đất là 5967,9m^2 theo đo đạc chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính lập ngày 02-7-2021 của Công ty TNHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 cùng tài sản có trên đất (350 cây cao su trồng năm 2008) thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước với tứ cận: Phía Bắc giáp đất của ông Huỳnh Văn H; Phía Nam giáp đất của ông Tống Phước Đ và đường đất; Phía Tây giáp đường đất; Phía Đông giáp đất của ông Nguyễn Văn Tr. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01625, ký ngày 30-01-2018 đứng tên Trương Minh P và Huỳnh Thị V. Tài sản có giá trị là 238.716.000đ.

- 01 xe máy cày hiệu Iseki TS 2810 mua năm 2018 có giá trị 35.000.000đ.

Anh Trương Minh P có trách nhiệm trả cho chị Huỳnh Thị V số tiền chênh lệch về tài sản là 35.576.500đ.

Anh Trương Minh P, chị Huỳnh Thị V có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ chung: Anh Trương Minh P, chị Huỳnh Thị V không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc là 28.642.000đ. Anh Trương Minh P có trách nhiệm trả cho chị Huỳnh Thị V số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 14.321.000đ.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị V phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 29.158.860đ tiền án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 9.800.000đ theo biên lai thu tiền số 016262 ký ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Chị Huỳnh Thị V phải nộp tiếp số tiền án phí là 19.658.860đ.

Anh Trương Minh P phải nộp tiền án phí chia tài sản chung là 29.158.860đ.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh